TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HS-ST
Ngày 17-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2026/HSST ngày 13 tháng 01 năm 2026, theo định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 2026, Thông báo số 07/2026/TB-TA ngày 04 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 20 -7-1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 2 khu phố H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc H và bà Phạm Thị Thanh T; chồng là Trần Kim H1; có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2025.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 02-8-2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 - Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

2. Trần Trung T2, sinh ngày 13-11-1998 tại Nam Định; Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ 30 ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Trần Thị N.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 19-8-2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 - Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

3. Nguyễn Hồng H2, sinh ngày 30-6-1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: 1419/17 đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng H3 và bà Huỳnh Thị Thu V.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định số 153/QĐ-TA ngày 28-8-2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 182/2014/HSST ngày 26-8-2014, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản".

- Tại Bản án số 98/2021/HS-ST ngày 15-4-2021, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật".

Bị cáo bị bắt ngày 16-9-2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 - Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

4. Trần Thanh T3, sinh ngày 05-11-1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: A đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Trần Thị Na .

Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định số 76/QĐ-TA ngày 12-3-2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 86/2011/HSST ngày 13-5-2011, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Tại Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 22-4-2008, Ủy ban nhân dân thành phố V áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện, thời hạn 24 tháng.

- Tại Quyết định số 1411/QĐ-UB ngày 23-12-2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

Bị cáo bị bắt ngày 16-9-2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Phước T1 - Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm danh, kiểm diện các đối tượng trong diện quản lý, qua test nhanh đã phát hiện Trần Thanh T3 và Nguyễn Hồng H2 có dương tính với ma túy Methamphetamine.

Tại cơ quan công an, Trần Thanh T3 khai nhận: Ngày 27-7-2025 sau khi đi nhậu cùng bạn bè về tới khu vực xóm C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, T3 gặp một người bạn quen biết ngoài xã hội tên H4 (không rõ nhân thân lai lịch) và mua của H4 200.000 đồng ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, T3 mang về nhà tại địa chỉ A đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng một mình.

Kết quả xác minh, Trần Thanh T3 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sơ cai nghiện bắt buộc, thời hạn 21 tháng theo Quyết định số 76/QĐ-TA ngày 12-3-2024. Ngày 27-7-2025, T3 chấp hành xong thời gian cai nghiện và ngày 30-7-2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đối với Trần Thanh T3.

Nguyễn Hồng H2 khai nhận: Vào ngày 29-7-2025, H2 mượn điện thoại của bạn tên là Trần Kim L để đăng nhập vào Facebook và liên hệ với Trần Thị Ngọc D hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá. D đồng ý và nói H2 chuyển khoản cho D vào tài khoản V1 tên Tran Thi Ngoc D1. H2 đi ra cửa hàng T5 để chuyển tiền mua ma túy cho D. Sau khi nhận được tiền, D hẹn H2 tới khu vực cầu C, Thành phố Hồ Chí Minh để giao ma túy. Mua được ma túy, H2 mang về chỗ ở tại địa chỉ A đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Kết quả xác minh, Nguyễn Hồng H2 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sơ cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 153/QĐ-TA ngày 28-8-2024, về việc. Ngày 30-4-2025, H2 chấp hành xong thời gian cai nghiện và ngày 18-7-2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 116/QĐ-UBND quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đối với Nguyễn Hồng H2.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Hồng H2, Cơ quan điều tra đã mở rộng điều tra tiến hành kiểm tra phòng số 8, nhà nghỉ H5, địa chỉ đường C, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Trần Thị Ngọc D và Trần Trung T2 đang thuê ở tại đây. Kết quả khám xét khẩn cấp nơi ở trên thu giữ được 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể không màu (D và T2 khai nhận là ma tuý tổng hợp dạng đá) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá.

Trần Thị Ngọc D và Trần Trung T2 khai nhận: D và T2 có quan hệ tình cảm với nhau và cùng thuê phòng số 8 nhà nghỉ H5, địa chỉ đường C, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh để chung sống từ tháng 6/2025 đến nay (Diệu ứng trước tiền thuê phòng là 2000.000 đồng, T2 góp 1.000.000 đồng).

Trong thời gian chung sống tại đây, D và T2 đã cùng nhau góp tiền mua ma túy của người đàn ông tên B1 (không rõ nhân thân, lai lịch) về sử dụng cùng nhau 4 lần, cụ thể: Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 25-7-2025, D và T2 góp mỗi người 150.000 đồng mua ma túy của B1 về sử dụng hết số ma túy mua được tại nhà nghỉ trên; Lần thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 01-8-2025, D tiếp tục mua 500.000 đồng (T2 góp 100.000đ) của B1 rồi cùng T2 lấy 01 ít ma túy bỏ vào trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T2 sử dụng; số ma túy còn lại chưa kịp sử dụng thì bị bắt. Trước đó, D và T2 còn cùng tổ chức sử dụng ma túy chung với nhau 02 lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể.

Ngoài hành vi tổ chức sử dụng ma túy trên, Trần Thị Ngọc D còn khai nhận đã bán ma túy đá cho Nguyễn Hồng H2 được 02 lần vào các ngày 27-7-2025 và ngày 29-7-2025 tại khu vực Cầu C. Khi H2 liên hệ hỏi mua ma tuý thì D gọi điện thoại cho B1 nói có người mua ma tuý, B1 đồng ý bán và yêu cầu chuyển tiền. Sau khi D chuyển khoản xong, B1 quay video clip hướng dẫn chỗ cất giấu ma tuý gần cầu C gửi cho D; sau đó D tiếp tục gửi lại video clip của B1 đã quay lại cho H2, H2 theo chỉ dẫn trong video đến lấy ma tuý mang về nhà sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Trung T2, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H2, Trần Thanh T3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, phù hợp với kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả giám định:

- Bản Kết luận giám định số 2132/KL-KTHS-MT ngày 04-8-2025 của Phòng K Công an thành phố H Tàu, kết luận: Mẫu A1 có khối lượng 0,4384 gam là ma túy, loại Methamphetamine (Mẫu A1 thu của Trần Thị Ngọc D).

- Bản kết luận giám định số 2597/KL-KTHS Ngày 12-8-2025 của Phòng K (PC09) Công an Thành phố H kết luận: Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu nước (của Nguyễn Hồng H2) được ký hiệu mẫu M gửi giám định.

- Bản các kết luận giám định số 2598/KL-KTHS ngày 12-8-2025 của Phòng K (PC09) Công an Thành phố H kết luận: Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu nước (của Trần Thanh T3) được ký hiệu mẫu M gửi giám định.

* Vật chứng thu giữ của vụ án*:*

- 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể không màu, qua giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,4384 gam. Đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

- 01 điện thoại Iphone 10 XSMax (Trần Thị Ngọc D khai là tài sản cá nhân)

- 01 điện thoại Iphone 11 Promax (D khai điện thoại dùng để liên lạc bán ma túy cho H2).

- 01 điện thoại di động Oppa Reno8 Z 5g màu đen (của Trần Trung T2).

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá.

Các vật chứng nêu trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh bảo quản chờ xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 92/CT-VKS-KV11 ngày 12 tháng 01 năm 2026, Viện sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

+ Bị cáo Trần Thị Ngọc D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

+ Bị cáo Trần Trung T2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

+ Bị cáo Nguyễn Hồng H2 và Trần Thanh T3 về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung trạng đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D về các tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Trần Trung T2 về các tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Nguyễn Hồng H2 và Trần Thanh T3 về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tổng hợp hình phạt chung của ba tội, buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D phải chấp hành từ17 (mười bảy) năm đến 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng

tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02-8-2025.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung T2 mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung T2 mức án từ từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025; tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Trần Trung T2 phải chấp hành từ 10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2025.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H2 mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 16-9-2025.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh T3 mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 16-9-2025.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể không màu, qua giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,4384 gam. Đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 01 điện thoại Iphone 10 XSMax của bị cáo Trần Thị Ngọc D sử dụng vào mục đích cá nhân nên đề nghị trả lại cho bị cáo D.

+ 01 điện thoại Iphone 11 Promax của bị cáo Trần Thị Ngọc D dùng để liên lạc mua ma túy và bán ma túy cho H2 nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ 01 điện thoại di động Oppa Reno8 Z 5g màu đen của bị cáo Trần Trung T2 sử dụng vào mục đích cá nhân nên đề nghị trả lại cho bị cáo T2.

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đề nghị truy thu số tiền 500.000 đồng bị cáo D thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo D nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

* Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D, Trần Trung T2 có quan hệ tình cảm với nhau và đều là người sử dụng trái phép chất ma túy nên cùng góp tiền thuê phòng số 8, nhà nghỉ H5, địa chỉ đường C, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh chung sống với nhau. Trong thời gian từ tháng 6/2025 cho đến khi bị bắt, D và T2 nhiều lần góp tiền chung để mua ma túy của người tên B1 (chưa rõ lai lịch) về cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 04 lần tại nhà nghỉ trên. Khám xét khẩn cấp nơi ở của D và T2 tại phòng số 8, nhà nghỉ H5 đã thu giữ được 0,4384 gam ma túy loại Methamphetamine, T2 và D tàng trữ nhằm mục đích tổ chức sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, D còn có 02 lần bán ma túy đá cho Nguyễn Hồng H2 vào các ngày 27-7-2025 và 29-7-2025 tại khu vực Cầu C.

Đối với bị cáo Trần Thanh T3 sử dụng chất ma túy vào ngày 27-7-2025; Nguyễn Hồng H2 sử dụng chất ma túy vào ngày 29-7-2025 tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh khi đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú (theo các Quyết định 281/QĐ-UBND ngày 30-7-2025 và Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 18-7-2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ kết quả giám định đã tìm thấy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Trần Thanh T3 và Nguyễn Hồng H2.

Hành vi bị cáo Trần Thị Ngọc D thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Hành vi bị cáo Trần Trung T2 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Hành vi bị cáo Trần Thanh T3 và Nguyễn Hồng H2 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Trung T2:

Xét tính chất mức độ do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ; là nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội và tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Các bị cáo biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Riêng đối với bị cáo D vì lợi nhuận, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo còn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Vì vậy, cần phải xử lý và tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo D và bị cáo T2 cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy tuy nhiên không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Hồng H2 và Trần Thanh T3:

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đồng thời đây còn là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác. Vì vậy, cần phải xử lý và tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về tội phạm. Bị cáo H2 và bị cáo T3 có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù và áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

Bị cáo D trình bày gia đình bị cáo là người có công với cách mạng tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp được bản chính, bản

sao y cũng như tài liệu thể hiện mối quan hệ giữa bị cáo và người có công với cách mạng nên không đủ căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax (thu giữ của bị cáo Trần Thị Ngọc D) do là công cụ phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo bị cáo Trần Thị Ngọc D 01 điện thoại Iphone 10 XSMax do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo D.

- Trả lại cho bị cáo Trần Trung T2 01 điện thoại di động Oppa Reno8 Z 5g màu đen do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo T2.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá do là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Truy thu số tiền 500.000 đồng bị cáo D thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo D nộp lại số tiền 500.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên H4 bán ma túy cho Trần Thanh T3 và người đàn ông tên B1 bán ma túy cho Trần Thị Ngọc D. Ngoài lời khai của T3 và D thì chưa có tài liệu chứng cứ khác để làm rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

Đối với bà Hoàng Thị Thành T4, là quản lý nhà nghỉ H5, không biết việc T2 và D tổ chức sử dụng ma túy và tàng trữ ma túy trong nhà nghỉ do bà T4 quản lý, lời khai trên phù hợp với lời khai của T2 và D. Do đó, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với bà T4.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc D 07 (bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc D 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc D 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Tổng hợp hình phạt ba tội, buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02-8-2025.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trung T2 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trung T2 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo Trần Trung T2 phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2025.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 16-9-2025.

4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 16-9-2025.

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax (thu giữ của Trần Thị Ngọc D).

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc D 01 điện thoại Iphone 10 XSMax.

- Trả lại cho bị cáo Trần Trung T2 01 điện thoại di động Oppa Reno8 Z 5g màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá.

Vật chứng hiện đang bảo quản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận vật chứng số 61/BB-PTHADS ngày 21 tháng 01 năm 2026.

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tụng hình sự; Điều 23 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị Ngọc D, Trần Trung T2, Nguyễn Hồng H2, Trần Thanh T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huê

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố.Hồ Chí Minh;
- PC 10 Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Hồ Chí Minh.
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11- TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng, Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Phước Thắng, thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.